

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 221/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17-7-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Lộc;
- Ông Lê Tiến Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Hữu Xuân Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1037/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1252/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024; giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị D, sinh năm: 1992.

Nơi ĐKKHKT: Khu phố D, thị trấn B, huyện P, tỉnh Bình Định;

Chỗ ở hiện nay: 0 đường N, Phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn B, huyện P, tỉnh Bình Định.

(Chị D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Đ vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Xuân Đ kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P vào ngày 05/8/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nhưng không có biện pháp khắc phục và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; anh Đ không chí thú làm ăn, quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình và thường xuyên có hành vi bạo lực đối với chị D. Chị Phạm Thị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Nguyễn Xuân Đ.

- Về con chung: Có 02 người là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 17/02/2015 và Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 10/5/2018. Ly hôn giao 02 người con chung là Nguyễn Xuân H và Nguyễn Ngọc Khánh B cho anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quản lý và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2014, bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ trình bày:*

+ Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng, bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ thống nhất như lời trình bày của chị Phạm Thị D.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ giữa năm 2022 cho đến nay.

Anh Nguyễn Xuân Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn của vợ chồng còn có khả năng hàn gắn, nên không đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị D.

+ Về con chung: Có 02 người là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 17/02/2015 và Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 10/5/2018. Nếu ly hôn, anh Đ yêu cầu tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quản lý 02 người con chung là Nguyễn Xuân H, Nguyễn Ngọc Khánh B và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị D vắng mặt và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị D giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên; anh Nguyễn Xuân Đ vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp “Ly hôn” và bị đơn cư trú tại huyện P, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận cho chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Đ.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Giao người con chung là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 17/02/2015 và Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 10/5/2018 cho anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quản lý và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Xuân Đ đều không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ kiện “Ly hôn” và người bị kiện cư trú tại huyện P, tỉnh Bình Định. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn chị Phạm Thị D vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Phạm Thị D và bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Xuân Đ kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P vào ngày 05/8/2014. Lời trình bày của chị D và anh Đ phù hợp với tài liệu, chứng cứ do chị D giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn số: 69/2014, quyển số 01/2014 ngày đăng ký 05/8/2014 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định cấp cho Nguyễn Xuân Đ và Phạm Thị D (bản chính). Nền hôn nhân của chị D và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Chị D và anh Đ trình bày không thống nhất về nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng; nhưng chị D và anh Đ đều xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng không có biện pháp để hàn gắn và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ giữa năm 2022 cho đến nay. Chị D cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng kéo dài, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ; anh Đ cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn của vợ chồng còn có khả năng hàn gắn, nên yêu cầu đoàn tụ.

Xét hôn nhân giữa chị D và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có duy trì cũng không đem lại kết quả. Điều này phù hợp với thực tế và phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh Đ, chị D tại địa phương nơi anh Đ cư trú. Do đó, chấp nhận cho chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Đ là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 02 người là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 17/02/2015 và Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 10/5/2018. Lời trình bày của chị D và anh Đ phù hợp tài liệu, chứng cứ do chị D giao nộp là Giấy khai sinh của Nguyễn Xuân H, sinh ngày 17/02/2015 (bản sao) và Giấy khai sinh của Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 10/5/2018 (bản sao). Hiện nay, cháu H và cháu B đang sống với anh Đ; sức khỏe của 02 người con chung bình thường.

Ly hôn anh Đ yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý 02 người con chung; chị D đồng ý giao 02 người con chung cho anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Đ là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu, nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bên kia. Khi cần thiết chị D, anh Đ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Xuân Đ đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004091 ngày 29 tháng 3 năm 4 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Chị D đã nộp xong.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 17/02/2015 và Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 10/5/2018 cho anh Nguyễn Xuân Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quản lý cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bên kia. Khi cần thiết chị D, anh Đ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Xuân Đ đều không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số : 0004091 ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Chị Phạm Thị D đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Xuân Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND H.Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- THADS H.Phù Mỹ;
- UBND xã Mỹ Đức;
- Lưu VP- HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bá Tùng